Bảng kê lâm sản

(Kèm theo thông báo Số: 39/TB-KLCĐ2, ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Đội KLCĐ&PCCCR số 2)

STT	Tên lâm sản	Tổng		Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Gỗ hình thù phức tạp	
		Khối lượng (M3)	lượng (khúc, thanh)	Khối lượng (M3)	Số lượng (khúc)	Khối lượng (M3)	Số lượng (Thanh)	Trọng lượng (Kg)	Số lượng
1	Gỗ nhóm IIA	3,47	223	0,979	93	1,996	120	495	10